



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(09 THÁNG NĂM 2026)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Y tế công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5 =4/3*100	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	900	1.560	173	120
1	Phí	900	1.560	173	120
	Phí y, dược, an toàn thực phẩm,...	300	380	127	85
	Phí giám định y khoa	600	1.180	197	139
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	570	865	152	136
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
2	Chi quản lý hành chính	0	0		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	300	380	127	347
I	Phí	300	380	127	347
	Phí y, dược, an toàn thực phẩm,...	300	380	127	347
	Phí giám định y khoa	30	59	197	140
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	540.655	336.754	62	96
I	Nguồn ngân sách trong nước	540.317	336.583	62	96
1	Chi quản lý hành chính	22.288	10.522	47	53
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	13.436	9.724	72	112
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	8.852	798	9	7
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3.543	1.959	55	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0	0		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	0	0		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.543	1.959	55	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	0	0		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	3.543	1.959	55	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	0	0		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	496.425	313.650	63	97
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	233.175	156.741	67	51
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	263.249	156.909	60	841
5	Chi bảo đảm xã hội	17.814	10.405	58	112
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.259	6.707	72	110
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.555	3.698	43	116

6	Chi hoạt động kinh tế	0	0		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	247	47	19	23
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	247	47	19	23
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	0	0		
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	0	0		
II	Nguồn vốn viện trợ	339	171	51	61
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	339	171	51	61
4.1	Dự án A	339	171	51	61
4.2	Dự án B	0	0		
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				

2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				